

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 295/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề án phát triển ngành trồng trọt tỉnh Khánh Hòa
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 824/QN-BNN-TT ngày 16/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: 1963/TTr-SNN-NVTH ngày 18/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển ngành trồng trọt tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Lưu VP, IIP, IIB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

**ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN 2030**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 295/QĐ-UBND ngày 19/11/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

**Phần I
ĐẶC ĐIỂM VÀ DỰ BÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐỘNG LỰC
PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT**

I. Đặc điểm của ngành trồng trọt

Sản xuất trồng trọt là ngành kinh tế gắn liền với đời sống và hoạt động của con người là ngành sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên (đất đai, nguồn nước ..) và gắn chặt với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Sản xuất trồng trọt được tiến hành trên không gian rộng và chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên.

Đất đai là tư liệu sản xuất chính của ngành trồng trọt, diện tích có hạn và ngày càng bị thu hẹp để phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, vì vậy để phát triển ngành trồng trọt, con đường tất yếu là phải thâm canh, luân canh đi đôi với việc lựa chọn chủng loại cây trồng và giống cây trồng hợp lý.

Thực tế cho thấy và khoa học đã chứng minh, để nâng cao hiệu quả cây trồng trên một đơn vị diện tích đất canh tác thì cần thâm canh, chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp trong nội bộ ngành hoặc gắn sản xuất trồng trọt với các lĩnh vực sản xuất khác theo các mô hình VAC (vườn – ao – chuồng); RAC (rừng – ao – chuồng); gắn trồng trọt với chăn nuôi, với du lịch sinh thái với sản xuất kinh doanh sinh vật cảnh, với môi trường...

Yếu tố nước tưới cho cây trồng là điều kiện tiên quyết thâm canh tăng năng suất trong trồng trọt.

II. Dự báo các điều kiện và động lực để phát triển ngành trồng trọt

1. Các yếu tố cần dự báo

Sản xuất trồng trọt phụ thuộc vào các nhóm yếu tố sau:

- Nhóm yếu tố sinh thái bao gồm đất, nước, thời tiết khí hậu, đặc điểm cây trồng, côn trùng, sinh vật và vi sinh vật. Vì vậy, loại cây trồng nào thỏa mãn được các điều kiện sinh thái thì có nhiều cơ hội được lựa chọn là cây trồng để phát triển. Đặc biệt đối với cây dài ngày như Sầu riêng, xoài, hồ tiêu thì yếu tố sinh thái có ý nghĩa quyết định vì cây dài ngày có bộ rễ ăn sâu, năng suất, chất lượng, hiệu quả phụ thuộc phần lớn vào điều kiện sinh thái.

- Nhóm yếu tố đầu tư và thị trường: Sản xuất trồng trọt phụ thuộc vào khả năng đầu tư và phải gắn với thị trường, vì vậy trên cùng 1 vùng sinh thái có thể trồng được nhiều loại cây nhưng chỉ chọn cây nào có suất đầu tư thấp và có thị trường tiêu thụ mạnh, ổn định; yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp và tức thời đối với cây trồng ngắn ngày như cây rau, màu, cây lương thực (giá dưa hấu có thể biến động rất lớn theo từng ngày); Quy mô, công suất, vị trí và tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy chế biến nông sản như: nhà máy đường, chế biến hạt điều, chế biến xoài là yếu tố thị trường rất quan trọng trong việc xác định loại cây trồng.

- Nhóm yếu tố quản lý và lao động: Chuỗi sản phẩm của mỗi loại cây trồng có yêu cầu kỹ thuật khác nhau đòi hỏi kỹ năng của người sản xuất và phương thức quản lý khác nhau. Vì vậy, cần lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với kỹ năng lao động và khả năng quản lý của con người; các cây đòi hỏi kỹ thuật cao, phức tạp chỉ có thể phát triển có hiệu quả ở các vùng người lao động có trình độ kỹ thuật cao.

- Nhóm yếu tố về tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp và khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật đó bao gồm: giống, phân bón, kỹ thuật canh tác, cơ giới hóa, kỹ thuật thu hoạch và bảo quản nông sản... được nghiên cứu và áp dụng nhanh vào sản xuất với những kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học.

- Căn cứ vào các dự báo được đề cập trong Đề án phát triển ngành trồng trọt của cả nước.

2. Các dự báo cụ thể

2.1. Về điều kiện tự nhiên

a. Đất đai

- Ở Khánh Hòa, đất trồng trọt ít, độ phì nhiêu thấp, bị chia cắt lớn bởi địa hình. Theo quy hoạch ngành, đất trồng trọt khả năng mở rộng khoảng 115.000 ha, trong đó: đất chuyên lúa khoảng 19.000 ha (được tưới tiêu chủ động), một số diện tích đất trồng lúa manh mún và phân tán có thể chuyển mục đích cho các nhu cầu khác để xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Một số diện tích đất trồng trọt ở độ dốc cao, không có hệ thống phòng chống xói mòn, chất lượng đất suy giảm cả về tầng dày và dinh dưỡng (diện tích trồng điều, mía, mỳ) ở nhiều xã miền núi có thể chuyển trồng cây ăn quả.

b. Về thời tiết khí hậu

Ảnh hưởng xấu của thời tiết khí hậu đến sản xuất trồng trọt hiện nay là chế độ mưa: mùa mưa tập trung trong 4 tháng cuối năm, mùa khô kéo dài trong 8 tháng đầu năm tác động trực tiếp đến việc lựa chọn cây trồng (cây ăn lá phát triển kém; năng suất cỏ tự nhiên trong mùa khô thấp) và thời vụ gieo trồng (trồng mía và mỳ trong giai đoạn mưa giông; trồng cây dài ngày vào đầu mùa mưa chính).

Mùa mưa tập trung gây lũ, lụt làm mất đất trồng trọt ở ven sông suối; làm ngập úng lúa vụ mùa, có khả năng làm mất giống lúa vụ đông xuân. Tuy nhiên,

vài năm gần đây do tác động của biến đổi khí hậu, lượng mưa và số ngày mưa ở Khánh Hòa tăng, nắng nóng gay gắt, cường độ mưa tăng.

2.2. Khả năng tưới

Trong thời gian tới, diện tích đất canh tác nông nghiệp được tưới có thể tăng lên, hiện nay đạt khoảng 22000 ha; trong đó cho lúa từ 17.000 đến 18.000 ha, tạo nguồn tưới cho rau, cây công nghiệp, cây ăn quả từ 4.000 đến 5.000 ha. Đến năm 2020 có thể tưới 25.000 ha và 30.000 ha vào các năm sau do xây dựng mới và nâng cấp các công trình thủy lợi, cải tạo đồng ruộng. Diện tích tưới tăng ở các khu tưới của hồ Suối Dầu, hồ Cam Ranh, hồ Đá Bàn, hồ Eakrongru, hồ Tà Rục, hồ Hoa Sơn; hồ Sông Giang, trạm bơm Diên Đồng và các công trình thủy lợi nhỏ ở miền núi, các lưu vực nhỏ ở đồng bằng.

Ngoài việc nâng cao diện tích tưới cho nông nghiệp bằng các biện pháp công trình. Các biện pháp phi công trình như trồng rừng, trồng cây dài ngày cũng được chú trọng phát triển.

2.3. Các tiến bộ sản xuất nông nghiệp

- Giống mới: Giống xoài Úc, giống lúa chất lượng cao, giống ngô ngắn ngày (kể cả giống chuyên gen) giống đậu phộng, giống mía, giống cây ăn quả, hoa, cây cảnh...

- Tiến bộ kỹ thuật trong canh tác: Tiến bộ kỹ thuật trong canh tác cây trồng như (3 tầng, 3 giảm; 1 phải, 5 giảm); quản lý dịch hại tổng hợp; quản lý dinh dưỡng tổng hợp; các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp đô thị...

3. Dự báo về nhu cầu thị trường

a. Lương thực thực phẩm

- Nhu cầu tăng về gạo chất lượng cao, gạo thơm, đặc sản trong đó có nhu cầu cho du lịch nội địa.

- Các loại trái cây đặc sản, có thương hiệu, đặc biệt là xoài úc, dứa xiêm.

- Nhu cầu tăng về rau sạch, rau cao cấp, bao gồm cả nấm ăn.

- Nhu cầu tăng về đậu phộng, đậu nành, ngô làm thức ăn chăn nuôi.

b. Nhu cầu cho công nghiệp chế biến

- Nguyên liệu mía cây cho 2 nhà máy đường trong tỉnh từ 1.000.000 - 1.100.000 tấn/năm, có trữ đường cao > 10 CCS.

- Các loại rau quả với số lượng lớn và phù hợp với chế biến công nghiệp.

- Nhu cầu tăng về các loại trái cây có chất lượng cao như sầu riêng, bưởi da xanh.

- Nhu cầu cao su tự nhiên tăng.

c. Các nhu cầu khác

- Hoa, cây cảnh, cây xanh đô thị tăng nhanh.

- Cây trồng trong các trang trại kinh doanh tổng hợp trong đó có du lịch sinh thái.

- Các sản phẩm đặc thù khác như: Mía tím, bắp nếp ăn tươi, nước ép rau quả tươi.

- Cây dược liệu tăng.

4. Dự báo về khả năng đầu tư

Khả năng đầu tư cho trồng trọt tăng thông qua Chương trình phát triển nông thôn mới và Chương trình giống bao gồm đầu tư về hạ tầng kỹ thuật cho ngành trồng trọt, đầu tư trực tiếp giống cây trồng mới; đầu tư nguồn nhân lực.

Do ở vị trí địa lý thuận lợi và được thiên nhiên ưu đãi, Khánh Hoà được nhiều nhà đầu tư quan tâm để phát triển du lịch và dịch vụ, từ đó có tác dụng nhất định đến đầu tư nông nghiệp nhất là đầu tư công trình thuỷ lợi phục vụ nước cho các vùng sản xuất thực phẩm sạch, trái cây, lúa chất lượng cao, chế biến nông sản.

Một số doanh nghiệp, tập đoàn có khả năng về vốn đã và đang đầu tư vào nông nghiệp như Khatoco, Yên Sào, Công ty Cổ phần mía đường.

Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai như hạn hán, lũ lụt... Khánh Hoà nói riêng và các tỉnh Trung Bộ và Tây Nguyên được Chính Phủ quan tâm đầu tư các công trình thuỷ lợi bằng nguồn trái phiếu Chính phủ...

5. Về địa lý kinh tế và lợi thế so sánh

Do nằm ở vị trí địa lý thuận lợi cho giao lưu kinh tế và được thiên nhiên ưu đãi, cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh trong những năm qua đã tạo thêm thế mạnh cho tỉnh Khánh Hoà trong những năm tới. Tại Khánh Hoà dự kiến xây dựng Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ; sản xuất nhiều loại giống cây trồng có chất lượng cao và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất trồng trọt.

Được sự thống nhất của Thủ tướng chính phủ, Khánh Hoà đã chủ động cùng với các tỉnh Phú Yên, Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh ký kết các hợp tác phát triển kinh tế trong đó có nông nghiệp. Các văn bản hợp tác này càng tạo thêm cho Khánh Hoà thế và lực để phát triển kinh tế, dịch vụ, xứng đáng là đầu tàu kinh tế ở khu vực Nam trung bộ.

III. Những nét cơ bản về hiện trạng sản xuất ngành trồng trọt ở Khánh Hoà

Với nhiều chủng loại đất, kết hợp với khí hậu đa dạng là điều kiện để ngành trồng trọt ở Khánh Hoà phát triển với nhiều chủng loại cây trồng khá phong phú. Một số loại cây trồng được sản xuất tập trung, hình thành vùng sản xuất hàng hóa như: lúa, mía đường, mía tím, vùng xoài, sầu riêng, chuối...

1. Quy mô đất canh tác ngành trồng trọt

Tổng diện tích đất sản xuất trồng trọt: 86.000 ha.

- Trong đó đất sản xuất cây hàng năm 60.800 ha, gồm:
 - + Đất trồng lúa: 24.000 ha (bao gồm đất chuyên lúa 18.160 ha; đất trồng lúa khác 5.840 ha)
 - + Đất trồng mía: 18.000 ha.
- Đất sản xuất cây lâu năm: 31.900 ha, gồm:
 - + Đất trồng cây ăn quả: 24.485 ha.
 - + Cây công nghiệp: 7.415 ha (có 261 ha cao su).

Diện tích cây lâu năm khác thường nằm xen trong đất thổ cư và đất trồng rừng sản xuất với nhiều loại cây trồng đa dạng.

(số liệu được xử lý nội nghiệp trên các nguồn sau):

- Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Khánh Hòa 2011-2020.
- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp 2011-2020.
- Kế hoạch sản xuất nông nghiệp 2012.
- Định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi giai đoạn 2005-2010 và tầm nhìn đến 2020).

2. Quy mô diện tích năng suất sản lượng một số cây trồng chính

Trên cơ sở quy mô đất sản xuất nông nghiệp, hàng năm nông dân Khánh Hòa đầu tư thâm canh sản xuất trên diện tích cây lâu năm, đồng thời thâm canh, luân canh, tăng vụ trên diện tích trồng cây hàng năm. Kế hoạch sản xuất trồng trọt nghiệp năm 2012 được tính toán như sau:

Tổng diện tích gieo trồng: 113.444 ha

Trong đó: + Cây hàng năm: 81.544 ha

+ Cây lâu năm: 31.900 ha (có diện tích cây lâu năm khác)

a. Đối với cây hàng năm

- Cây lúa: 43.400 ha, năng suất 53,64 tạ /ha, sản lượng 232.815 tấn.

Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa trên đất chuyên lúa: 37.335 ha, năng suất 56,0 tạ /ha, sản lượng 209.017 tấn.

- Cây mía: 17.283 ha, năng suất 491,8 tấn/ha, sản lượng 850.040 tấn.

- Và các cây trồng ngắn ngày khác như: bắp 6.140 ha, mỳ 6.460 ha, rau đậu các loại 7.031 ha....

b. Đối với cây lâu năm

Xoài 6.900 ha, sản lượng 57.000 tấn; cà phê 305 ha, sản lượng 518 tấn, điều 4.620 ha...

3. Nhận xét

Trên cơ sở phân tích số liệu hiện trạng sản xuất nông nghiệp những năm gần đây nhận thấy:

a. Về sản xuất

- Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng:

+ Không thể hiện rõ sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây dài ngày sang cây ngắn ngày và ngược lại.

+ Có sự chuyển đổi tăng diện tích cây ăn quả và giảm diện tích cây công nghiệp trong cơ cấu cây dài ngày (điều, dừa lấy cùi giảm; xoài, sầu riêng, mít tăng...)

- Về chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng: có sự chuyển dịch mạnh cơ cấu giống cây trồng trên cả hai nhóm cây dài ngày và ngắn ngày, cụ thể: giống xoài úc và xoài cát tăng, xoài thủy triều giảm; giống sầu riêng com vàng hạt lép tăng; giống mía mới K88-65; K84-200 thay thế dần giống Co775; tăng tỷ trọng các giống lúa có chất lượng cao.

- Về kỹ thuật canh tác: bên cạnh các kỹ thuật truyền thống, các tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt đã được ứng dụng và chuyển giao vào canh tác nông nghiệp: Chương trình 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm trên cây lúa; chương trình quản lý dịch hại tổng hợp; các biện pháp bón phân, tủ gốc phòng trừ sâu bệnh, cày sâu khi trồng mía, thu hoạch sản phẩm bằng máy được áp dụng trên diện rộng và hiệu quả.

- Về năng suất và sản lượng tăng khá.

- Giá thành sản xuất trên 01 đơn vị sản phẩm giảm do năng suất cao và ứng dụng kỹ thuật vào sản xuất.

- Nhiều mô hình sản xuất trồng trọt có hiệu quả kinh tế cao: sản xuất rau, hoa, cây cảnh.

b. Về quản lý

Kinh tế hộ phát triển đến đỉnh cao thúc đẩy hình thành các hình thức tổ chức sản xuất khác phù hợp với lực lượng sản xuất:

- Các trang trại trồng trọt (chủ yếu trồng cây ăn quả) kết hợp với chăn nuôi; trồng trọt với du lịch sinh thái phát triển.

- Các tổ chức kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác) trồng cây ngắn ngày và dịch vụ sản xuất nông nghiệp được củng cố và thành lập mới.

c. Dịch vụ sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh

- Dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp: có hàng trăm cơ sở kinh doanh phân bón và thuốc BVTV.

- Dịch vụ thủy lợi: đảm bảo dịch vụ tưới tiêu chủ động trên diện tích chuyên sản xuất lúa và một phần diện tích trồng cây ăn quả, rau ở khu vực vườn nhà.

- Dịch vụ làm đất: trên 95% diện tích đất gieo trồng cây ngắn ngày được làm bằng máy.

d. Các yếu tố hạn chế

- Thị trường tiêu thụ nông sản bấp bênh, hiện tượng được mùa mất giá thường xuyên xảy ra.
- Chất lượng nông sản không đồng đều và thiếu ổn định nên việc tiêu thụ gặp khó khăn.
- Bảo quản nông sản chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức dẫn đến giá bán thấp.
- Chế biến nông sản còn hạn chế:
 - + Mối liên kết giữa nhà máy và vùng nguyên liệu chưa chặt chẽ chưa gắn bó hữu cơ với nhau (chế biến mía đường).
 - + Thiếu cơ sở chế biến với công nghệ phù hợp (trái cây, chế biến gạo...).
- Một số cây trồng chưa được nghiên cứu đầy đủ về mặt kỹ thuật và thị trường nhưng nông dân đã tự phát đưa vào sản xuất mà chưa kiểm soát được.
- Quy mô đất sản xuất của nông hộ thấp.
- Công tác quy hoạch chậm và chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn sản xuất trồng trọt, tính pháp lý chưa cao.

Phần II

ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU CÂY TRỒNG

I. Quan điểm phát triển

1. Sản xuất trồng trọt có tầm quan trọng đặc biệt, vì trực tiếp giải quyết nhu cầu thiết yếu của xã hội về lương thực phẩm, tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xóa đói giảm nghèo.
2. Phát triển sản xuất trồng trọt phải gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến; tập trung ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.
3. Phát triển ngành trồng trọt theo chiều sâu, tăng giá trị gia tăng và bền vững bằng việc tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), nông nghiệp hữu cơ, phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng.
4. Phát triển sản xuất trồng trọt phải trên cơ sở tiếp cận thị trường; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học về giống, công nghệ sinh học, công nghệ cao, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.
5. Phát triển sản xuất trồng trọt phải gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, cùng với nguồn nhân lực được đào tạo, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao; tương ứng với các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp.

6. Phát triển sản xuất trồng trọt phải đảm bảo huy động cao các nguồn lực xã hội, phát huy sức mạnh hội nhập quốc tế và chính sách hỗ trợ của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; duy trì quy mô đất chuyên trồng lúa, thâm canh tăng năng suất lúa trên cơ sở nâng cao tỷ lệ giống lúa chất lượng cao; phát triển mạnh các cây trồng có lợi thế so sánh, có thương hiệu đáp ứng nhu cầu đa dạng trong trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

a) Thời kỳ 2011-2020

- Cơ cấu giá trị ngành trồng trọt đến năm 2020: cây lương thực (lúa, Bắp) 38% , cây có củ 6 % , cây rau, đậu 11%, cây ăn quả 18,6, cây công nghiệp 23 % , hoa cây cảnh 2,5%, cây dược liệu 0,5%, cây khác 0,40 %.

- Tốc độ tăng trưởng GTSX Trồng trọt bình quân đạt 2,8 - 3%/năm.

- Sản lượng lương thực có hạt đạt 247.800 tấn tấn, trong đó lúa 234.300 tấn, ngô 13.500 tấn.

- Giá trị sản lượng trên 1 ha đất trồng trọt bình quân 70 -75 triệu đồng.

b) Tầm nhìn năm 2030

- Cơ cấu giá trị ngành trồng trọt đến năm 2030: cây lương thực 33,8%, cây chất bột lấy củ 4% , cây rau đậu 12%, cây ăn quả 19%, cây công nghiệp 25 % , hoa và cây cảnh 5%, cây dược liệu 1%, cây khác 0,2%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt 2,3 - 2,5%/năm.

- Sản lượng lương thực có hạt đạt 253.000 tấn, trong đó lúa 240.000 tấn, ngô 13.500 tấn.

- Giá trị sản lượng trên 1 ha đất trồng trọt đạt bình quân 120 - 150 triệu đồng. (Cơ cấu ngành trồng trọt chi tiết tại phụ lục 1).

III. Định hướng quy hoạch sử dụng đất và phát triển sản xuất trồng trọt đến năm 2020

1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

- Sử dụng tiết kiệm đất nông nghiệp, nhất là đất chuyên trồng lúa, khai thác có hiệu quả đất vườn nhà (chủ yếu sản xuất rau, hoa, cây cảnh) đến năm 2020 diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 81.580 ha. Trong đó, đất trồng cây hàng năm 49.180 ha gồm: đất chuyên lúa 21.180 ha, chuyên mía 18.500 ha, đất chuyên trồng rau 1.000 ha, đất cây hàng năm khác 8.500 ha; Đất trồng cây lâu năm là 32.400 ha gồm (cây ăn quả 22.400 ha, cây công nghiệp 10.000 ha).

- Giữ ổn định diện tích chuyên lúa và diện tích mía, chuyển đổi một phần đất trồng cây có củ (mỳ) cây điều sang trồng cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày có cây cao su, tăng diện tích trồng hoa và cây cảnh; tăng diện tích chuyên sản xuất rau.

- Chuyển một số diện tích cây ngắn ngày kém hiệu quả sang trồng xoài, dứa và một số cây dài ngày có hiệu quả khác.

- Thâm canh, luân canh tăng vụ cây ngắn ngày, chủ yếu là bắp ăn trái, rau, đậu các loại... để nâng cao hiệu quả sản xuất trên 1 ha đất canh tác.

2. Phân bổ đất cho các cây trồng chủ yếu

Trong sản xuất trồng trọt có thể phân chia làm 3 nhóm cây như sau:

Nhóm cây lâu năm bao gồm cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả lâu năm; nhóm cây này chiếm đất cả năm (diện tích canh tác bằng diện tích gieo trồng). Đầu tư cây lâu năm cần có thời gian kiến thiết cơ bản, yêu cầu vốn lớn, thời kỳ kinh doanh của cây có thể kéo dài hàng chục năm, cần có dự báo dài hạn về thị trường. Ở Khánh Hòa tập trung vào quy hoạch phát triển các cây sau: Cây ăn quả gồm xoài, sầu riêng, bưởi da xanh; Cây công nghiệp gồm dứa, cao su.

Cây lúa nước: Đây là cây trồng quan trọng bảo đảm an ninh lương thực và ổn định xã hội. Việc hình thành diện tích trồng lúa nước đòi hỏi phải đầu tư trong thời gian dài và là thành quả lao động của nhiều thế hệ. Trên bình diện cả nước, bảo vệ và bồi bổ đất trồng lúa là một trong kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu trong đó: Đất chuyên trồng lúa (có thể sản xuất được nhiều vụ trong năm) được quan tâm quản lý nghiêm ngặt.

Cây hàng năm khác: Đây là nhóm cây dễ cơ động thích ứng nhanh với thị trường; diện tích gieo trồng và sản lượng có thể tăng nhanh do thay thế cây trồng khác hoặc luân canh, xen canh tăng vụ.

Trên cơ sở phân tích các nhóm yếu tố gồm: sinh thái; suất đầu tư và thị trường; khả năng quản lý và kỹ năng của người lao động; các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ... Sản xuất trồng trọt ở Khánh Hòa tập trung phát triển một số cây trồng sau:

a. Đối với cây hàng năm

- Sản xuất lúa nước theo hướng nâng cao tỷ trọng lúa chất lượng cao.
- Thâm canh nâng cao năng suất mía cây đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy đường.
- Đầu tư phát triển vùng sản xuất rau tập trung đảm bảo rau an toàn cho xã hội.

b. Đối với cây lâu năm

- Tập trung phát triển cây xoài, tăng tỷ lệ sử dụng giống xoài úc và cát hòa lộc.
- Phát triển cây dứa lấy nước uống ở các huyện ven biển.

- Phát triển các loại cây ăn quả và cây công nghiệp có hiệu quả cao ở các xã phía tây của tỉnh.

c. Các cây có xu hướng phát triển cần quan tâm

- Hoa, cây cảnh.

- Cây dược liệu làm nguyên liệu sản xuất thuốc.

(Quy hoạch sử dụng đất chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

Phần III

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC CÂY TRỒNG CHỦ YẾU

I. Cây lúa

1. Diện tích chuyên lúa

a. Quy mô sản xuất

Quỹ đất trồng lúa năm 2020 là 21.180 ha, trong đó lúa nước 2 vụ trở lên là 17.150 ha, lúa 1 vụ 4.030 ha; diện tích gieo trồng khoảng 39.000 ha. Năm 2030 bảo vệ quỹ đất lúa ổn định là 20.000 ha, trong đó lúa nước 2 vụ trở lên là 17.100 ha; diện tích gieo trồng 37.100 ha.

Áp dụng đồng bộ các biện pháp thâm canh tiên tiến để đạt sản lượng từ 234.000 tấn vào 2020; đạt từ 240.000 tấn vào năm 2030, trong đó lúa chất lượng cao đạt (15%- 20%) năm 2020 và 30- 40% năm 2030.

b. Các giải pháp cụ thể cần thực hiện

- Cải tạo xây dựng đồng ruộng: Là tạo lô, thửa sản xuất có kích thước và mặt bằng phù hợp; xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu và giao thông nội đồng để áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và cơ giới hóa khâu thu hoạch. Trong quá trình cải tạo, xây dựng đồng ruộng ở những vùng sản xuất cụ thể, có nhiều thửa nhỏ cần tiến hành dồn điền đổi thửa. Việc san bằng đồng ruộng chỉ nên áp dụng ở khu vực đất mới khai hoang và ở những địa điểm có nhiều thửa ruộng có kích thước quá nhỏ.

- Chủ động được giống lúa đạt tiêu chuẩn: Giống lúa đạt tiêu chuẩn từ cấp xác nhận trở lên là tiền đề để áp dụng các biện pháp kỹ thuật khác như: 3 giảm - 3 tăng; 1 phải - 5 giảm. Nhu cầu giống lúa hàng năm của tỉnh từ 3.000 - 3.200 tấn. Trong chương trình giống đã phân công Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao khảo nghiệm lựa chọn và sản xuất giống nguyên chủng cung cấp cho các cơ sở sản xuất giống ở huyện và các HTX để sản xuất giống xác nhận. Thay đổi cơ cấu giống lúa theo hướng tăng giống lúa chất lượng cao (thơm; hạt dài mềm...).

- Chế biến lúa gạo: Chất lượng gạo phụ thuộc rất lớn vào công nghệ chế biến, để nâng cao chất lượng gạo cần đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến gạo chất lượng cao với công suất 20.000 - 25.000 tấn /năm. Tuân thủ các quy trình công nghệ trong chuỗi sản xuất sản phẩm từ thu mua, sấy bảo quản, xay xát, dự trữ,

lưu thông, đưa tỷ lệ gạo thu hồi trên 68%; giảm tổn thất sau thu hoạch lúa còn 5-6%.

- Hình thành các tổ hợp tác sản xuất lúa, thực hiện và xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

c. Các vùng sản xuất lúa tập trung

Gồm Ninh Hòa từ 6.700-7.200 ha, Diên Khánh 3.600 ha, Vạn Ninh 2.800 ha (chi tiết xem phụ lục số 3).

2. Diện tích lúa nước còn lại

Đặc điểm diện tích lúa nước còn lại ở Khánh Hòa phân bố phân tán ở những chân ruộng cao không chủ động tưới trong vụ hè thu, năng suất không ổn định; được quy hoạch phát triển theo:

- Tăng vụ sản xuất cây rau màu ngắn ngày trên cơ sở luân canh ở những chân đất có nước tưới bổ sung cho cây màu ngắn ngày (ngô, dưa, bầu bí) khi cây ra hoa.

- Chuyển sang trồng cây khác.

- Cải tạo thành đất chuyên lúa khi có các công trình thủy lợi.

II. Nhóm cây ngắn ngày

1. Cây mía

a. Quy mô sản xuất

Mía là cây trồng có diện tích lớn trong tỉnh, với đặc điểm sinh học đặc biệt, mía là cây có năng suất kinh tế và năng suất sinh học cao, có khả năng chịu hạn, tương đối thích nghi trên chân đất không được tưới ở Khánh Hòa.

Ổn định diện tích trồng mía khoảng 18.500 ha; phấn đấu năng suất mía đạt 58 tấn/ha vào năm 2020 và 65 tấn/ha vào năm 2030 tương ứng với sản lượng mía là: 1.045.000 tấn và 1.178.000 tấn.

b. Các giải pháp cần thực hiện

Đầu tư, áp dụng các biện pháp đồng bộ để thâm canh tăng năng suất và chất lượng mía, trong đó chú trọng chuyển giao các giống mía mới; biện pháp cày sâu, bón phân hữu cơ...

- Xây dựng cơ sở hoặc vùng sản xuất mía giống với hạ tầng sản xuất hiện đại, chủ động cung cấp giống mía thích nghi với điều kiện sản xuất ở Khánh Hòa cho nông dân, có cơ chế khuyến khích nông dân sử dụng giống mới.

- Chuyển giao các biện pháp kỹ thuật thâm canh mía gồm: cày sâu kết hợp với bón phân hữu cơ; bóc lá mía tăng chất lượng mía và giảm chi phí vận chuyển, chế biến, tưới nước cho mía, đặc biệt ở các vùng sản xuất giống.

- Cải tạo đồng ruộng trồng mía: Chủ yếu là chia lô thửa hợp lý, xây dựng đường giao thông nội đồng để thuận tiện trong thu hoạch mía; không nên san ruộng. Đối với ruộng sản xuất giống cần xây dựng thêm hệ thống thủy lợi.

- Chế biến đường: Mở rộng công suất các nhà máy hiện có đi đôi với hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm; mở rộng dây truyền sản xuất các sản phẩm từ các nguyên liệu là phụ phẩm sau đường để làm tăng giá trị cây mía.

- Tạo sự gắn kết tự nhiên hữu cơ và bền vững giữa nhà máy và nông dân trồng mía trên cơ sở hợp tác bình đẳng các bên đều có lợi.

c. Vùng sản xuất tập trung

Ninh Hòa 10.200 ha, Khánh Vĩnh 2.500 ha. Diên Khánh 1.900 ha (chi tiết xem phụ lục số 3).

2. Cây rau

Rau các loại: bao gồm rau ăn lá (cải xanh, cải bẹ, rau má, bồ ngót...), rau ăn quả (cà chua, đậu đũa, đậu cove, khổ qua, dưa chuột...) rau ăn củ (cà rốt, khoai sọ, khoai mỡ...).

a. Quy mô sản xuất

Phân đầu đưa diện tích gieo trồng rau các loại năm 2020 đạt 5300-5.500 ha; năm 2030 đạt 5.500-6.000 ha; Trong đó diện tích chuyên sản xuất rau là 900-1.000 ha đất canh tác và thực hiện được từ 2.700 -3.600 diện tích gieo trồng rau.

Đa dạng hóa các loại rau theo hướng nâng cao tỷ trọng rau cao cấp bao gồm cả nấm ăn và đảm bảo lượng rau tươi trong tất cả các mùa.

Thâm canh tăng năng suất rau, đảm bảo năng suất đạt 13-15 tấn/ha vào năm 2020 và 15 - 18 tấn/ ha vào năm 2030.

b. Các biện pháp cần thực hiện

- Sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng các vùng sản xuất rau tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ.

- Xây dựng hạ tầng vùng sản xuất rau tập trung thích ứng với hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, đảm bảo chủ động sản xuất được nhiều vụ trong năm, thuận tiện trong việc quản lý kiểm soát chất lượng rau.

- Phối hợp với các ngành, thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ rau theo hợp đồng.

c. Vùng sản xuất tập trung

Diên Khánh 300 ha, Ninh Hòa 400 ha (chi tiết xem phụ lục số 3).

3. Các cây ngắn ngày khác

a. Quy mô sản xuất

Các cây ngắn ngày khác bao gồm mỳ, bắp, lạc... là cây trồng cơ động thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và thời tiết khí hậu; diện tích và sản lượng các loại cây này có thể tăng nhanh do luân canh, xen canh...

b. Giải pháp

- Sử dụng các giống mới ngắn ngày có chất lượng cao.
- Luân canh, thâm canh, tăng vụ để tăng sản lượng.
- Tăng cường đầu tư công cụ thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản.
- Dự báo thị trường ngắn hạn.

c. Vùng sản xuất tập trung

Chủ yếu ở Cam Lâm, Ninh Hòa, Khánh Vĩnh.

III. Nhóm cây dài ngày

1. Cây xoài

a. Quy mô diện tích

Đặc điểm khí hậu ở Khánh Hòa khá phù hợp với việc phát triển cây xoài, độ ẩm không khí thấp, cường độ nắng cao thuận lợi cho quang hợp của cây xoài, hạn chế sự phát triển và lây lan của bệnh thán thư (là loại bệnh nan giải, chi phí tốn kém). Xoài là cây trồng thích hợp trên nhiều loại đất khác nhau nhưng chỉ phát triển tốt nhất trong điều kiện khí hậu khô nóng và cường độ ánh sáng mạnh như ở Cam Lâm và Cam Ranh; những vùng khác ít thích hợp với cây xoài hơn. Quy hoạch đến năm 2015 quy hoạch 7.500 ha với năng suất 6,5 tấn ha/, sản lượng 48.700 tấn năm 2020 quy hoạch 10.000 ha. Năng suất 7,5 tấn/ha; sản lượng 75.000 tấn

b. Các giải pháp chính

- Mở rộng diện tích trồng xoài đưa diện tích tăng từ 6.900 ha lên 10.000 ha vào năm 2020, trong đó chuyển từ diện tích trồng mỳ và mía 2700 ha, từ đất lúa 1 vụ 400 ha.
- Cải tạo thay thế vườn xoài cũ bằng các giống mới có chất lượng cao như xoài úc, cát Hòa Lộc.
- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh xoài, sản xuất xoài trái vụ.
- Kêu gọi và khuyến khích đầu tư các cơ sở sơ chế xoài tươi và chế biến các sản phẩm từ xoài nhằm nâng cao giá trị xoài.
- Nâng cao giá trị xoài thông qua phân tích và tác động vào chuỗi giá trị xoài.
- Mở rộng áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

c. Vùng sản xuất tập trung

Chủ yếu ở Cam Lâm, Cam Ranh.

2. Cây Sầu riêng

a. Quy mô diện tích

Sầu riêng là cây trồng có nhiều ưu thế phát triển ở Khánh Sơn và một số tiểu vùng ở huyện Khánh Vĩnh. Quy hoạch đến năm 2020 diện tích sầu riêng đạt 800 ha. Hạn chế trong sản xuất sầu riêng là bệnh do nấm phytophthora và hiện tượng sượng sầu riêng

b. Giải pháp.

Trồng giống có năng suất và chất lượng cao phù hợp với điều kiện tự nhiên ở tỉnh như moong thông, sầu riêng cơm vàng hạt lép, Ri 6.

- Áp dụng biện pháp kỹ thuật thâm canh tổng hợp thâm canh sầu riêng.
- Thiết kế trồng trên đất có độ dốc từ 2- 5% kết hợp với việc tủ gốc cho cây.
- Bảo vệ và nhân rộng thương hiệu.

c. Vùng sản xuất tập trung

Chủ yếu ở Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Diên Khánh.

3. Cây ăn quả khác

Chú trọng phát triển các loại ăn quả có diện tích lớn, dễ canh tác phù hợp với khả năng, kỹ năng lao động của người nông dân như: Chuối, cây có múi (chủ yếu là bưởi và chanh), mít. Bên cạnh khuyến cáo trồng các giống mới cho nông dân cần quan tâm huấn luyện chuyên gia áp dụng các biện pháp thâm canh và phòng trừ sâu bệnh, thông tin thị trường để nông dân điều chỉnh kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường. Các giống chủ lực gồm bưởi da xanh, chuối mốc, mít nghệ...

4. Cây Cà phê và hồ tiêu

Duy trì ổn định diện tích trồng hồ tiêu 50 ha và cà phê 600 ha ở Khánh Sơn; không mở rộng thêm trên diện tích đất thiếu nước tưới; tăng cường đầu tư thâm canh và phòng trừ sâu bệnh, chú ý biện pháp tủ gốc để đảm bảo năng suất cà phê đạt 2 tấn nhân/ha và 1,5 tấn hạt tiêu khô/ha.

5. Dừa

a. Quy mô diện tích

- Duy trì diện tích trồng dừa tập trung nhất là vùng trồng dừa xiêm ở Ninh Hòa, tăng cường tỷ lệ dừa trồng phân tán ở các khu du lịch, cải tạo vườn dừa cũ theo hướng trồng dừa lấy nước uống.

- Diện tích dừa đạt 2.000 ha, trong đó dừa lấy nước uống (dừa xiêm, dừa dứa) 1600 ha.

- Năng suất dừa đạt 5.000 trái/ha đối với dừa lấy cùi và 7.500 trái/ha đối với dừa lấy nước.

b. Giải pháp

- Thay đổi cơ cấu giống dừa theo hướng tăng diện tích dừa lấy nước uống
- Tăng cường trồng dừa ở các khu du lịch biển, các đảo và đất cát ven biển

c. Vùng sản xuất chính

Ninh Hòa, Nha Trang.

6. Điều

Diện tích trồng điều đã giảm liên tiếp trong những năm gần đây do hiệu quả sản xuất điều thấp không cạnh tranh được với cây trồng khác. Hiện nay sản xuất điều đang phải đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn cả về kỹ thuật trồng trọt và thị trường tiêu thụ gồm: năng suất điều thấp, sâu bệnh hại điều, giá cả tiêu thụ điều không ổn định...Dự báo các khó khăn này chưa thể giải quyết được ngay trong những năm tiếp theo. Diện tích trồng Điều sẽ giảm nhanh, dự kiến chỉ còn khoảng 2.000 ha (so với quy hoạch nông nghiệp giảm 3.500 ha).

- Khoanh vùng những diện tích điều có khả năng cho năng suất đạt trên 1,5 tấn/ha để tiếp tục đầu tư chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh để đảm bảo năng suất trên.

- Duy trì bảo vệ diện tích điều trồng ở các vùng đất khô cằn, tầng đất mỏng có tác dụng bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp tủ gốc giữa âm đất nhằm thu được năng suất tối ưu ở vùng đất này.

- Vùng trồng điều tập trung ở Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Ninh Hòa, Cam Lâm.

7. Cây công nghiệp dài ngày khác

a. Cây Cao su

- Trong quy hoạch ngành Nông nghiệp đến năm 2020 chưa đề cập đến cây cao su, tuy nhiên trên thực tế đến tháng 8 năm 2012 diện tích cao su ở Khánh Hòa đã thống kê được là 261ha, trong đó có một số diện tích đã thu hoạch ở thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh.

- Trước mắt các địa phương tiếp tục theo dõi, đánh giá khả năng thích nghi và năng suất mù trên diện tích hiện có làm cơ sở để định hướng phát triển bền vững cây Cao su ở Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

- Cao su là cây đa chức năng, có nhiều ưu thế vượt trội về mặt kinh tế và môi trường. Nếu được hỗ trợ về tiền vốn và kỹ thuật từ Tập đoàn cao su Việt Nam thì cây cao su có khả năng phát triển hiệu quả ở khu vực phía tây các huyện Ninh Hòa, Diên Khánh và huyện Khánh Vĩnh.

- Dự báo, đến 2015, diện tích cao su phát triển tự phát thêm trên diện tích trồng mẫu, diện tích trồng rừng sản xuất với quy mô 400 ha- 500 ha.

b. Cây Ca cao

Cây Ca cao đã và đang được trồng thử nghiệm ở Khánh Hòa, chưa có các kết luận chắc chắn về hiệu quả, khả năng cạnh tranh và khả năng mở rộng diện tích trồng ca cao, vì vậy chưa xem xét quy hoạch cây Ca cao trong giai đoạn này, cũng như không hạn chế sự phát triển ca cao ở những vùng có điều kiện, đặc biệt là trồng xen ca cao với cây trồng khác.

c. Cây dược liệu

Đây là loại cây trồng có triển vọng phát triển nhanh trong thời gian tới, ngoài việc cung cấp dược liệu phòng và chữa bệnh trực tiếp cho nhân dân, còn cung cấp nguyên liệu để sản xuất thuốc. Phát triển đa dạng các loại cây dược liệu bao gồm cây dược liệu lâu năm và cây dược liệu hàng năm, các loại dược liệu lấy hoa, quả, thân, lá và lấy rễ, các loại dược liệu phòng bệnh và chữa bệnh... trước mắt tập trung vào dược liệu chữa một số bệnh thông thường về đường tiêu hóa, cảm, sốt...

Tạo thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân đầu tư trồng cây dược liệu cung cấp nhiên liệu cho các cơ sở sản xuất thuốc kể cả sản dược phẩm dinh dưỡng. Diện tích cây dược liệu từ 300- 400 ha.

2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất đến năm 2020 và tầm nhìn 2030

Trên cơ sở bố trí quy mô sử dụng đất cho các loại cây trồng được xác định ở phần trên; kết hợp với các biện pháp kỹ thuật canh tác thích ứng với từng loại cây trồng bao gồm: Thâm canh, luân canh, xen canh, gối vụ... đi đôi với việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, dự kiến một số chỉ tiêu chính phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020 và 2030 như sau:

Diện tích, năng suất, sản lượng một số các cây trồng chính

Chỉ tiêu	Hiện trạng	Năm 2020	Năm 2030
A. Tổng DT gieo trồng (ha)	113.444	110.600	110.800
- Cây hàng năm (ha)	81.544	78.200	78.400
- Cây lâu năm	31.900	32.400	32.400
B. Sản lượng lương thực	246.700	247.800	253.500
- Lúa (tấn)	233.200	234.300	240.000
- Ngô hạt (tấn)	13.500	13.500	13.500
I. Cây hàng năm (ha)	81.544	78.200	78.400
1. Diện tích lúa cả năm	43.400	38.400	37.100
Năng suất (tạ/ha)	53,65	61,0	64,7
Sản lượng (tấn)	233.200	234.300	240.000
Trong đó DTchuyên lúa: (ha)	37.335	34.300	34.200
Năng suất (tạ/ha)	56,2	63,0	66
Sản lượng (tấn)	210.000	216.100	225.700
2. Diện tích mía (ha)	17.283	18.200	18.500
Năng suất (tạ/ha)	491,8	550	620
Sản lượng (tấn)	850.040	1.045.000	1.178.000

3. Rau các loại (ha)	5.350	5.600	5.800
Năng suất (tạ/ha)	150	150	150
Sản lượng (tấn)	80.250	84.000	87.000
Trong đó vùng chuyên rau (ha)	800	2.600	3.500
Năng suất (tạ/ha)	130	150	170
Sản lượng (tấn)	10.400	39.000	59.500
4. Diện tích cây hàng năm khác (ha)	15.511	16.000	17.000
II. Cây lâu năm (ha)	25.200	30.000	32.000
1. Cây ăn quả (ha) Trong đó	24.400	22.400	22.800
- Xoài (ha)	6.900	10000	11000
Năng suất (tạ/ha)	64,3	70	75
Sản lượng (tấn)	45.000	56.000	67.500
- Sầu riêng (ha)	485	800	800
Năng suất (tạ/ha)	50	60	80
Sản lượng (tấn)	1.875	3.600	6.400
- Chuối	3.000	3.500	4.000
- Cây có múi	1.200	1.700	1.700
- Cây ăn quả khác (mít, đu đủ...)	12.681	6.400	5.300
2. Cây công nghiệp (ha), trong đó:	6.900	7.500	8.500
- Cà phê (ha)	305	600	600
Sản lượng (tấn)	518	1.000	1.200
- Điều (ha)	4.200	2.500	2.000
Sản lượng (tấn)	5.100	4.500	4.000
- Dừa (ha)	1.465	2.000	2.100
Năng suất (1.000 quả/ha)	7,0	7,5	8,0
Sản lượng (1.000 quả)	10.255	11.250	12.800
- Cây công nghiệp lâu năm khác (hồ tiêu, ca cao, cao su...)	930	2.400	3.800

IV. Một số giải pháp chủ yếu

1. Quy hoạch

a) Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành hữu quan và các địa phương rà soát và hoàn thiện quy hoạch phát triển từng loại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng cây trồng trên từng vùng sinh thái, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa hoặc vùng nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến công nghiệp; gắn quy hoạch phát triển cây trồng với quy hoạch phát triển nông thôn mới; thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển từng cây trồng chủ yếu trên phạm vi địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2030 phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và quy hoạch cơ sở chế biến gắn với vùng nguyên liệu tại địa phương và quy hoạch tổng thể cấp huyện.

c) Khi xây dựng quy hoạch từng cây trồng, nếu cần thiết có sự điều chỉnh sát với thực tiễn và khả năng mới thì cần đảm bảo tính cân đối với các cây trồng khác được tính toán trong quy hoạch nông nghiệp đã được tỉnh phê duyệt, tránh những xáo trộn không cần thiết.

d) Về mặt kỹ thuật cần đảm bảo tính thống nhất và hợp lý giữa diện tích đất canh tác và diện tích đất gieo trồng; diện tích thu hoạch và diện tích kinh doanh đối với cây dài ngày; năng suất các loại rau đậu...

2. Phát triển cơ sở hạ tầng

Vận dụng triệt để các chính sách của nhà nước về đầu tư hạ tầng trong sản xuất trồng trọt, vì đây là kênh quan trọng và dễ áp dụng để đầu tư trong nông nghiệp, gắn đầu tư hạ tầng kỹ thuật sản xuất với hạ tầng xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

a) Về thủy lợi

- Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại hóa, tăng hiệu quả cấp nước cho sản xuất; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Bảo đảm cấp đủ nguồn nước để khai thác có hiệu quả cho 19.000 ha đất canh tác chuyên lúa và diện tích sản xuất rau tập trung; tiến tới tưới chủ động cho 100% diện tích đất lúa 2 vụ. Nâng năng lực tưới cho các vùng trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả tập trung. Tăng cường khả năng tiêu thoát nước ra các sông, kênh tiêu, bảo đảm thoát nước cho các vùng đồng bằng, vùng thấp trũng với tần suất thiết kế 5 - 10%, có giải pháp công trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung đầu tư nâng cấp các hệ thống thủy lợi hiện có; đầu tư dứt điểm cho từng hệ thống, nâng cấp, hiện đại hóa công trình đầu mối, kênh mương, thiết bị điều khiển vận hành để phát huy năng lực thiết kế và nâng cao năng lực phục vụ.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ ở các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo để cấp nước tưới và phục vụ sinh hoạt. Đầu tư nâng cấp xây dựng các công trình lớn để điều tiết lũ, kiểm soát triều, ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, hạn chế các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Mở rộng việc áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm (tưới phun, tưới nhỏ giọt, tưới thấm...) đặc biệt đối với cây lâu năm; các cây nông nghiệp có giá trị cao; vùng sản xuất rau, hoa, cây cảnh và cây dược liệu tập trung.

b) Về giao thông

- Hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung để đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa thông suốt, hệ thống giao thông đến các vùng sản xuất ở địa bàn khó khăn để thuận tiện cho việc vận chuyển vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

Gắn giao thông nội đồng với thủy lợi và cải tạo đồng ruộng, thực hiện dồn điền đổi thửa đảm bảo mặt bằng đồng ruộng thuận lợi nhất cho sản xuất, thâm canh và vận chuyển nông sản.

Ưu tiên làm đường ở các vùng cao, miền núi, nhất là các huyện, xã có tỷ lệ nghèo trên 50%, đảm bảo đến năm 2020, hệ thống giao thông tương ứng các vùng khác tạo điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa.

Mở mang hệ thống giao thông lên các vùng gò đồi, tạo điều kiện để phát triển các khu công nghiệp, các đô thị mới mà không ảnh hưởng đến đất canh tác.

2. Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại để thực hiện các mục tiêu của quy hoạch

a) Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân và doanh nghiệp gắn kết và cam kết với nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt; đặc biệt là đảm bảo chất lượng nông sản và an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo điều kiện phát triển sản xuất kể cả đầu vào và đầu ra, nhất là rau an toàn.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại nông sản, tạo thị trường dịch vụ đầu vào và đầu ra ngay từ cơ sở, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản ở các thành phố thị xã và các khu công nghiệp.

c) Phát triển, mở rộng thị trường nội địa, nhất là các khu du lịch, các đô thị, khu dân cư lớn.

d) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm trồng trọt xuất khẩu chủ lực; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách của các nước nhập khẩu.

đ) Tiếp tục thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020”.

4. Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 nhằm nâng cao năng lực các tổ chức khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực trồng trọt, đảm bảo nhiệm vụ nghiên cứu cho tất cả các cây trồng chủ yếu. Phát triển và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cây trồng, đặc biệt tập trung nâng cao chất lượng đối với lúa, xoài, mía, rau an toàn, hoa, cây cảnh và cây dược liệu, nâng cao năng suất đối với ngô, lạc, mía.

Nâng cấp, xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chuyên gia công nghệ cho tỉnh và các tỉnh lân cận, trước mắt tập trung sản xuất các giống cây trồng có quy mô lớn trong tỉnh như: giống lúa, giống xoài, giống hoa; Xây dựng cánh đồng mẫu lớn để triển khai áp dụng công nghệ về sản xuất và quản lý trong sản xuất trồng trọt.

a) Về phát triển giống cây trồng

- Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020.

- Đẩy mạnh công tác chọn và ứng dụng giống mới vào sản xuất gắn với doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, chất lượng, định hướng chọn, ứng dụng các giống có tính thích nghi cao, đặc biệt với điều kiện bất lợi do biến đổi khí hậu như hạn hán, úng ngập, mặn và kháng các sâu bệnh hại chính. Tăng đầu tư cho nghiên cứu tạo giống cây ăn quả, hoa, cây cảnh, cây dược liệu.

- Tăng sử dụng giống lai và ứng dụng một số giống biến đổi gen vào sản xuất.

- Nhập các giống cây trồng có đặc điểm tốt, đáp ứng yêu cầu sản xuất trong tỉnh.

- Về cung ứng giống cây trồng cho sản xuất, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh giống. Đến năm 2020 tỷ lệ sử dụng giống tiên bộ kỹ thuật đạt 90% đối với lúa, 95% đối với ngô, 80% đối với rau, hoa màu, 70-80% đối với cây công nghiệp, 70% đối với cây ăn quả.

b) Kỹ thuật canh tác và sau thu hoạch

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP) đối với tất cả các cây trồng chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trồng trọt.

- Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trồng trọt và phát triển các vùng sản xuất tập trung (rau, hoa quả...) ứng dụng công nghệ cao. Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 10-15% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh vào năm 2015 và 30-35% vào năm 2020.

- Thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản, phân đấu đến năm 2020, giảm mức thất thoát sau thu hoạch 50-70% so với mức hiện nay.

5. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng và ứng dụng cơ giới hóa sản xuất trồng trọt

a) Cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ

- Nghiên cứu đề xuất định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, mùa vụ theo hướng chất lượng, hiệu quả và thị trường, né tránh những bất thuận của thời tiết, thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi một số diện tích điều, cây hàng năm không được tươi, cây lâm nghiệp trồng trên đất rừng sản xuất không hiệu quả sang trồng khác có khả năng đảm bảo thu nhập cao và ổn định cho nông dân; tăng hiệu quả kinh tế và môi trường.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, mùa vụ theo hướng chất lượng, hiệu quả và thị trường, né tránh những bất thuận của thời tiết, thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Cơ giới hóa sản xuất trồng trọt

Cơ giới hóa là giải pháp quan trọng để phát triển sản xuất trồng trọt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

- Phân đấu đến năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất tăng từ 75% năm 2010 lên 95%; khâu gieo trồng, chăm bón từ 25% lên 70%, khâu thu hoạch từ 30% lên 70%, khâu chế biến từ 30% lên 80%.

- Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất máy động lực, máy công tác phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp với giá thành hợp lý. Mở rộng sản xuất theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng mẫu lớn, nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng cánh đồng mẫu lớn để triển khai áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật trồng trọt và hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị đất trồng trọt.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất trồng trọt

Để thích ứng với cơ chế thị trường phải tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong điều kiện bình quân đất nông nghiệp trên đầu người ở Khánh Hòa thấp, với quỹ đất nhỏ bé này người nông dân rất khó có thể đảm bảo cuộc sống từ nông nghiệp, Hiện nay kinh tế kinh tế hộ đang bộc lộ những hạn chế: Quy mô sản xuất nhỏ, không có điều kiện đầu tư hạ tầng kỹ

thuật cho thâm canh trong nông nghiệp; yếu thế trong mua vật tư nông nghiệp và bán nông sản phẩm (mua vật tư giá cao, bán nông sản giá thấp); rất nhiều hộ nông dân không đủ sống từ nghề nông. Vì vậy cần thực hiện các nội dung sau:

- Đối với cây ngắn ngày: khuyến khích phát triển các hình thức liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức sản xuất - tiêu thụ, các hợp tác xã chuyên ngành; tạo điều kiện cho nông hộ phát triển.

- Đối với cây dài ngày: khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, kết hợp sản xuất trồng trọt với chăn nuôi, giữa trồng trọt với dịch vụ du lịch, tăng cường trồng các loại cây đa mục tiêu.

- Khuyến khích đầu tư chứng nhận chất lượng sản phẩm trồng trọt.

- Phát triển doanh nghiệp sản xuất trồng trọt, khuyến khích nông dân góp cổ phần bằng giá trị đất vào doanh nghiệp.

- Mở rộng diện tích sản xuất được ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

- Mở rộng phương thức sản xuất theo "cánh đồng mẫu lớn" và đối tác công tư PPP, trong đó tập trung vào cây lúa và cây trồng có thị trường, sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa.

- Khuyến khích đầu tư trong nước và ngoài nước vào lĩnh vực trồng trọt (sản xuất, chế biến, tiêu thụ).

7. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông về trồng trọt ở các cấp. Đối với cán bộ khoa học ưu tiên đào tạo chuyên ngành công nghệ sinh học.

b) Tăng cường đào tạo nông dân sản xuất trồng trọt theo các hình thức thích hợp từ chuyển giao khoa học theo các chương trình khuyến nông đến việc huấn luyện nông dân trở thành người sản xuất chuyên nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

8. Hợp tác trong nước và quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt về đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ; xây dựng chiến lược thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) vào các lĩnh vực ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực trồng trọt.

9. Chính sách đất đai

a) Tiếp tục thúc đẩy dồn điền, đổi thửa, tạo điều kiện thuận lợi tích tụ ruộng đất, mở rộng quy mô sản xuất, khuyến khích nông dân góp giá trị đất để tham gia cổ phần vào các doanh nghiệp sản xuất - tiêu thụ.

b) Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất lúa. Khuyến khích các biện pháp làm tăng chất lượng đất. Việc chuyển đổi mục đích đất chuyên lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp được quản lý chặt chẽ và chỉ được thực hiện theo quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt; khuyến khích việc chuyển diện tích đất trồng lúa khác sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn.

c) Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành trang trại trồng trọt ở các vùng đất dốc, thiếu hạ tầng sản xuất, trong đó có việc chuyển mục đất đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác.

d) Tạo điều kiện và khuyến khích nông dân tích tụ ruộng đất, đảm bảo quy mô quỹ đất tối thiểu cho hộ sản xuất nông nghiệp có thu nhập chủ yếu từ nghề nông.

10. Chính sách đầu tư, tín dụng, thuế

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ áp dụng GAP trong sản xuất nông lâm thủy sản và các chính sách hiện hành của nhà nước theo hướng:

a) Vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng vùng sản xuất hàng hóa tập trung hoặc vùng nguyên liệu (thủy lợi, giao thông, điện,...), nghiên cứu khoa học và khuyến nông, đào tạo cán bộ, đào tạo nông dân; xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất trồng trọt áp dụng VietGAP.

b) Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho:

- Khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt, dồn điền đổi thửa, cải tạo xây dựng đồng ruộng.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất, đầu tư bảo quản chế biến nông sản.

- Công nghiệp hóa sản xuất giống cây trồng; nhân giống nguyên chủng, giống bố mẹ, sản xuất giống lai F1 đối với các giống mới; nhập các giống mới.

- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; ứng dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP); ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến.

- Hỗ trợ hạ tầng và một số thiết bị chuyên dùng cho các cơ sở sản xuất nhân giống cây trồng.

- Công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu.

- Hỗ trợ cho nông dân phục hồi sản xuất, trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thực hiện chính sách huy động vốn từ các nguồn vốn hợp pháp cùng với nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước cho việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015, ưu tiên cho:

- Nâng cao hiệu quả sản xuất lúa ở các vùng sản xuất lúa tập trung: mục đích nâng cao chất lượng lúa gạo bao gồm cả việc đầu tư chế biến lúa chất lượng cao, cơ giới hóa đồng bộ sản xuất lúa trên diện tích từ 1000- 1.500 ha ở Diên Khánh và 1.500- 2000 ha ở Ninh Hòa.

- Phát triển và thâm canh lúa chất lượng cao.

- Nâng cao năng suất vùng mía nguyên liệu.

- Phát triển hoa, cây cảnh và cây dược liệu.

- Nâng cao sản lượng ngô, mỳ trên cơ sở tăng năng suất nhằm cung cấp thức ăn tinh cho chăn nuôi.

- Phát triển cây ăn quả hàng hóa và nâng cao chất lượng cây ăn quả: tập trung các cây ăn quả có tiềm năng như: xoài, sầu riêng, bưởi, chuối...

- Phát triển rau an toàn: đẩy mạnh diện tích được chứng nhận an toàn; chú trọng sản xuất nấm ăn.

d) Thực hiện bảo hiểm nông nghiệp đối với các loại cây trồng gồm: lúa, mía, xoài, hoa...

11. Tăng cường, quản lý nhà nước về trồng trọt

a) Nghiên cứu áp dụng và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc lĩnh vực trồng trọt.

b) Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống tổ chức ngành trồng trọt từ tỉnh đến các huyện, thị xã và thành phố.

c) Nâng đỡ và tạo điều kiện hình thành các tổ chức sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khảo, kiểm nghiệm giống, vật tư nông nghiệp, chất lượng nông sản, đồng thời khuyến khích các tổ chức khoa học, doanh nghiệp tham gia công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học.

d) Nâng cao năng lực thực hiện Hiệp định về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp kiểm dịch và vệ sinh động, thực vật (SPS).

đ) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

e) Khuyến khích hình thành các hội người sản xuất các loại cây trồng, hội làm vườn, hội người trồng hoa cây cảnh.

V. Các dự án ưu tiên

Thực hiện các dự án ưu tiên sẽ tạo tiền đề và cơ sở để thực hiện các nội dung của đề án; huy động được sức đóng góp của nông dân của doanh nghiệp và trí tuệ của các nhà khoa học.

- Quy hoạch phát triển cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày và điều chỉnh quy hoạch ngành trồng trọt.

- Quy hoạch sản xuất lúa nước theo hướng sản xuất lúa có chất lượng cao đi đôi với chế biến lúa.

- Dự án phát triển các giống cây chủ lực trong tỉnh, gồm: Giống lúa, giống mía, giống xoài.

- Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho cánh đồng mẫu lớn chuyên sản xuất lúa, rau an toàn và xoài.

- Quy hoạch sản xuất cây dược liệu.

- Quy hoạch sản xuất hoa, cây cảnh.

- Dự án xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm trồng trọt chủ lực.

- Dự án sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp.

Tổng số vốn ngân sách đầu tư thực hiện dự án ưu tiên là 54,5 tỷ (xem chi tiết ở phụ lục 4).

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Rà soát quy hoạch các loại cây trồng, chỉ đạo các địa phương rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

b) Xây dựng các dự án đầu tư phát triển cụ thể cho giai đoạn 2010-2015 theo hướng ưu tiên nêu trong Đề án.

c) Tổng hợp báo cáo các kiến nghị trong việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tham mưu trình UBND tỉnh xem xét và chỉ đạo thực hiện, đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện đề án theo định kỳ.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

Tổ chức rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển từng cây trồng chủ yếu trên phạm vi địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2030 phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và quy hoạch cơ sở chế biến gắn với vùng nguyên liệu tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

Phụ lục 1: CƠ CẤU GIÁ TRỊ NGÀNH TRỒNG TRỌT

STT	Loại cây trồng	Giá trị 2010	Tỷ lệ %	Giá trị 2020	Tỷ lệ %	Giá trị 2030	Tỷ lệ %
1.	Lúa, ngô	1,257,252	40.49%	1,585,818	38.00%	1,895,653	33.80%
2	Cây chất bột lấy củ	273,100	8.79%	250,392	6.00%	224,338	4.00%
3	Cây công nghiệp	653,444	21.04%	959,837	23.00%	1,402,110	25.00%
4	Cây ăn quả	547,365	17.63%	776,216	18.60%	1,065,604	19.00%
5	Rau, đậu và gia vị	313,084	10.08%	459,053	11.00%	673,013	12.00%
6	Cây hoa, cây cảnh	37,263	1.20%	104,330	2.50%	280,422	5.00%
7	Dược liệu	9,316	0.30%	20,866	0.50%	56,084	1.00%
8	Cây khác	14,433	0.46%	16,693	0.40%	11,217	0.20%
	Tổng	3,105,257	100%	4,173,206	100%	5,608,440	100%

Phụ lục 2: Quy hoạch sử dụng đất (đơn vị tính ha)

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2020</i>	<i>Năm 2030</i>
	Tổng diện tích đất canh tác	85.570	83.330	81.580	79.400
1.	Đất trồng lúa	24.670	22.730	21.180	20.000
1.1	Đất chuyên lúa	18.100	17.760	17.150	17.100
1.2	Đất lúa còn lại	6.570	4.970	4.030	2.900
2.	Cây hàng năm khác	29.000	28.500	28.000	27.000
2.1	Mía	17.300	18.200	18.500	18.500
2.2	Đất chuyên trồng rau	900	900	1.000	1.200
2.3	Cây khác	10.800	9.400	8.500	7.300
3.	Đất cây lâu năm	31.900	32.100	32.400	32.400
3.1	Cây ăn quả	24.485	25.100	22.400	22.800
3.1.1	Xoài	6.900	7.500	10.000	11.000
3.2.2	Sầu riêng	485	550	800	800
3.3.3	Cây khác	17.100	17.050	11.600	11.000
3.2	Cây công nghiệp	7.415	7.000	10.000	9.600
3.2.1	Cà phê	450	600	700	700
3.2.2	Dừa	1.465	1.500	2.000	2.100
3.2.3	Điều	4.200	3.500	2.500	2.000
3.2.4	Cây khác	1300	1.400	4.800	4.800

Nguồn: Theo Quy hoạch phát triển ngành trồng trọt tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến 2025 và có sự điều chỉnh theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011- 2015

Phụ lục 3: Bộ trí sử dụng đất chi tiết

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Tổng đến 2020	Vạn Ninh	Ninh Hoà	Nha Trang	Diên Khánh	Cam Lâm	Cam Ranh	Khánh Sơn	Khánh Vĩnh
	Tổng số	81.580	6.700	27.943	2.832	10.134	12.436	5.523	5.068	10.944
1	Đất trồng lúa	21.180	3.300	9.343	482	3.934	1.736	973	168	1.244
1.1	Chuyên lúa	17.150	2.899	7.200	470	3.617	1.678	616	151	519
2	Đất lúa còn lại	4.030	401	2.143	12	317	58	357	17	725
2	Cây hàng năm	28.000	1.400	12.500	300	2.900	3.900	1.700	1.200	4.100
1.1	Mía	18.500	200	10.200		1.900	2.100	1.000	600	2.500
2	Đất chuyên rau	1.000	50	400	30	300	100	100	10	10
3	Cây khác	8.500	1.150	1.900	270	700	1.700	600	590	1.590
3	Đất cây lâu năm	32.400	2.000	6.100	2.050	3.300	6.800	2.850	3.700	5.600
1.1	Cây ăn quả	22.400	1.400	4.400	1.500	2.200	5.700	1.700	2.300	3.200
1.1.1	Xoài	10.000	200	1.400	300	1.000	5.300	1.500		300
1.1.2	Sầu riêng	800				50			500	250
1.1.3	Cây có múi	1.700	50	300	200	600	50			500
1.1.4	Cây khác	9.900	1.150	2.700	1.000	550	350	200	1.800	2.150
2	Cây công nghiệp	10.000	600	1.700	550	1.100	1.100	1.150	1.400	2.400

Phụ lục 4: Nhu cầu vốn đầu tư cho các chương trình dự án ưu tiên Nguồn vốn nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Nhu cầu	2014-2015	2016-2020	Ghi chú
01	Quy hoạch phát triển cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày và điều chỉnh quy hoạch ngành trồng trọt.	3.000	3.000		Chi tiết đến cấp huyện
02	Quy hoạch vùng sản xuất và chế biến lúa nước chất lượng cao	500	500		Chi tiết đến cấp huyện
03	Dự án phát triển các giống xoài	400	400		
04	Dự án phát triển các giống lúa	300		300	
05	Dự án phát triển các giống mía	400	400		
06	Dự án xây dựng cho cánh đồng mẫu lớn chuyên sản xuất lúa (Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm)	20.000	5.000	15.000	1.000 ha: Ninh Hòa 300; Diên Khánh 200; Vạn Ninh 200; Cam Lâm 150, Các huyện còn lại 150 ha (2 vụ)
07	Dự án xây dựng cho cánh đồng mẫu lớn chuyên sản xuất xoài (Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm)	10.000	3.000	7.000	Diện tích hỗ trợ 500 ha x 2 năm
08	Dự án xây dựng cho cánh đồng mẫu lớn chuyên sản xuất rau (Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm)	5.000	1.000	4.000	Diện tích hỗ trợ 100 ha
09	Quy hoạch sản xuất cây dược liệu.	7.000		700	Chi tiết đến cấp xã
10	Quy hoạch sản xuất hoa, cây cảnh.				
11	Dự án xúc tiến thương mại và xây dựng thương hiệu và bảo vệ phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm trồng trọt chủ lực (xoài, sầu riêng, dứa xiêm, vú sữa)	3.000	1.500	1.500	
12	Dự án sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp	5.000	1.000	4.000	
	Tổng số	54.5	22	32.5	